

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT

Ngày 26 - 5- 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Thẩm phán:*

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Thân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 22/4/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **A**, sinh năm 1994, (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu;  
hiện tạm trú: Ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn:* Anh **B**, sinh năm 1993, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+Bà C, sinh năm 1967, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

+Bà D, sinh năm 1962, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

*4. Người kháng cáo:* Anh B, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện kết hôn năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/6/2017. Chị và anh B có 01 con chung, cháu tên E, sinh ngày 13/6/2018, hiện sống cùng với anh B từ ngày 25/6/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn, do chị và anh B bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và anh B xúc phạm chị, nên chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ ngày 16/11/2019. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và anh B phải cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Chị và anh B có các tài sản, vàng gồm 01 lắc tay vàng 18k 05 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k 05 chỉ, 02 vòng đeo tay vàng 18k 2,9 chỉ, 01 dây chuyền vàng 18k 1,6 chỉ, nhưng đã bán nuôi con chỉ còn 01 dây chuyền 1,6 chỉ vàng 18k để lại cho con không chia; anh B quản lý tiền mặt 5.000.000 đồng, giá trị vật liệu xây dựng 17.000.000 đồng, xe mô tô hiệu Vario giá trị 45.000.000 đồng; anh B đã trả nợ bà D 42.000.000 đồng, trả nợ bà G 6.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi tiền anh B quản lý; trước đây chị và anh B có nợ bà C 20.000.000 đồng, nhưng đã trả xong.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn anh B xác định: Anh thống nhất với trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung. Anh đồng ý ly hôn với chị A; về con chung, anh không đồng ý giao cháu E, sinh ngày 13/6/2018 cho chị A trực tiếp nuôi, do cháu đang sống ổn định cùng anh, cháu phát triển bình thường. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng; nếu phải giao con cho chị A, không đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng.

Tài sản chung có vàng gồm 01 lắc tay vàng 18k 7,7 chỉ, 01 dây chuyền 18k 05 chỉ, 02 vòng đeo tay vàng 18k 2,9 chỉ, 01 dây chuyền 1,6 chỉ vàng 18k chị A quản lý yêu cầu chia đôi. Anh B quản lý tiền mặt 3.200.000 đồng không phải 5.000.000 đồng, giá trị vật liệu xây dựng 17.000.000 đồng, xe mô tô giá trị 45.000.000 đồng anh bán xe và đã trả nợ bà C 5.000.000 đồng, trả nợ bà G 6.000.000 đồng và bà D 42.000.000 đồng còn lại 12.200.000 đồng đồng ý chia đôi. Nợ chung, hiện anh và chị A còn nợ bà C 23.000.000 đồng, yêu cầu cùng trả nợ chung.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày:* Từ năm 2018 vợ chồng chị A và anh B có mượn tiền của bà nhiều lần để mua vật liệu xây dựng về bán, tổng cộng nợ 28.000.000 đồng. Anh B có trả nợ 5.000.000 đồng, nên còn nợ 23.000.000 đồng. Nay chị A và anh B ly hôn yêu cầu cả hai cùng trả nợ vốn 23.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày:* Năm 2018 vợ chồng chị A và anh B có tham gia chơi hụi do bà làm chủ và đã hót hụi số tiền 58.890.000 đồng, sau đó anh B có đóng hụi; đến ngày 10/12/2020 còn nợ là 20.000.000 đồng, nhưng do anh B cũng đã thanh toán xong, nên ngày 01/02/2021 bà rút yêu cầu đối với chị A và anh B.

*Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 14/2021/HNGĐ- ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung: Chị A được quyền nuôi dưỡng cháu E, sinh ngày 13/6/2018. Anh B phải có nghĩa vụ giao cháu E cho chị A khi án có hiệu lực pháp luật. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu E mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 08/3/2021. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị A được quyền quản lý sử dụng 6,45 chỉ vàng 18k và số tiền 6.100.000 đồng. Anh B được quyền quản lý sử dụng 6,45 chỉ vàng 18k và số tiền 6.100.000 đồng. Chị A có nghĩa vụ giao cho anh B số vàng 6,45 chỉ vàng 18k và anh B có nghĩa vụ giao cho chị A số tiền 6.100.000 đồng. Về nợ chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với chị A và anh B đòi số tiền 15.000.000 đồng. Buộc chị A và anh B mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà C 7.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà C đòi chị A và anh B số tiền 8.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với chị A và anh B đòi tiền hụi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2021, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử, anh không đồng ý giao con cho chị A nuôi, yêu cầu anh được trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy anh B kháng cáo xin trực tiếp nuôi con, nhưng cháu E, sinh ngày 13/6/2018, tính đến khi xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cấp sơ thẩm giao cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà D.

[2] Hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị A xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của chị A đòi ly hôn với anh B là có căn cứ.

Chị A và anh B có 01 con chung là cháu E, sinh ngày 13/6/2018, hiện cháu đang sống cùng anh B. Anh B kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B xác định, điều kiện anh nuôi con tốt hơn chị A nuôi; nếu sau này cháu lớn và có nguyện vọng sống với chị A thì anh đồng ý giao con cho chị A nuôi. Chị A xác định không an tâm giao con cho anh B nuôi, vì khi chị thăm con, thấy anh B chăm sóc con không chu đáo và anh B buôn bán nên thường xuyên đi giao hàng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, về nghĩa vụ và quyền chăm sóc con: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”*. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Chị A và anh B hiện đều có việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện, đảm bảo trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, do cháu E, sinh ngày 13/6/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phúc thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặc dù từ ngày 25/6/2020 cháu E trực tiếp sống với anh B, nhưng chị A có nguyện vọng nuôi con, khi bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ ngày 16/11/2019 chị đã mang con theo và do sau đó ngày 25/6/2020 anh B dẫn cháu E về nhà chơi giữ lại nuôi đến nay, cũng không có căn cứ nào xác định chị A không đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử giao con cháu E, sinh ngày 13/6/2018, cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin trực tiếp nuôi con của anh B, mà cần chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

Tuy nhiên, sau này khi chị A nuôi con, nếu có đầy đủ căn cứ cho rằng chị A trực tiếp nuôi con là không đảm bảo, thì anh B có quyền yêu cầu xin thay đổi nuôi con bằng vụ án khác, theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, về hôn nhân cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, nhưng không tuyên cho ly hôn hay công nhận thuận tình ly hôn là thiếu sót; tuyên chị A có nghĩa vụ giao cho anh B số vàng 6,45 chỉ vàng 18k, nhưng không tuyên loại vàng lưu hành tại địa phương, cấp phúc thẩm bổ sung để đảm bảo thi hành án.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2021/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 280 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A đối với anh B.

2. Về con chung: Chị A được quyền nuôi dưỡng cháu E, sinh ngày 13/6/2018. Buộc anh B phải có nghĩa vụ giao cháu E cho chị A. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu E mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 08/3/2021. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị A được quyền quản lý sử dụng 6,45 chỉ vàng 18k và số tiền 6.100.000 đồng. Anh B được quyền quản lý sử dụng 6,45 chỉ vàng 18k và số tiền 6.100.000 đồng.

Chị A có nghĩa vụ giao cho anh B số vàng 6,45 chỉ vàng 18k (loại vàng lưu hành tại địa phương) và anh B có nghĩa vụ giao cho chị A số tiền 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng).

4. Về nợ chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với chị A và anh B đòi số tiền 15.000.000 đồng.

Buộc chị A và anh B mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà C 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà C đòi chị A và anh B số tiền 8.000.000 đồng.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với chị A và anh B đòi tiền hối.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 1.223.225 đồng; chị A đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0010097 ngày 08/07/2020 và 1.437.000 đồng tại Biên lai thu số 0010186 ngày 04/9/2020 được chuyển thu án phí và được hoàn lại số tiền 213.775 đồng.

Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 1.223.225 đồng; anh B đã nộp án phí 600.000 đồng tại Biên lai thu số 0010184 ngày 31/8/2020 được chuyển thu án phí và phải nộp tiếp số tiền 923.225 đồng.

Án phí sơ thẩm dân sự bà C phải chịu 400.000 đồng, bà C đã nộp tạm ứng án phí 575.000 đồng tại Biên lai thu số 0010408 ngày 14/12/2020 được chuyển thu án phí và được hoàn lại số tiền 175.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 500.000 đồng tại Biên lai thu số 0010400 ngày 10/12/2020 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

8. Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân gia đình anh B phải nộp 300.000 đồng, anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0010531 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện O;
- CCTHADS huyện O;
- UBND xã N, h. O;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Nguyễn Thị Thu Hương**